

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Phạm Văn Tuyên.

*Thư ký phiên họp:* Bà Phạm Việt Hà - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 261/2024/TLST-LĐ ngày 14 tháng 10 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 133/2024/QĐST-LĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1989. Thường trú: tổ G, ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ liên hệ: tổ C, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trịnh Mỹ L, sinh năm 1995. Thường trú: thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH B. Địa chỉ: số G, đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee You G – chức vụ: Tổng Giám đốc, vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương. Địa chỉ: số A, đường L, khu B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Dương Văn T1 – chức vụ: Tổ trưởng Tổ quản lý khu, sổ thẻ bảo hiểm thành phố D, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ: số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Giấy uỷ quyền ngày 05/11/2024), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:**

*- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết, người yêu cầu giải quyết việc lao động bà Trịnh Thị T trình bày:*

Từ tháng 5/2008 đến tháng 5/2013, bà Trịnh Thị T có làm việc tại Công ty TNHH S (viết tắt là Công ty S), địa chỉ: đường Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đóng bảo hiểm số 7408102574. Từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2013, bà T có làm việc Công ty TNHH B, địa chỉ: số G, đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đóng bảo hiểm số 7411207828. Nay, bà T tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế khi bên bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà Trang bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: Bà Trịnh Mỹ L là em họ của bà T (sử dụng thông tin của bà T) giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH B khoảng từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2013 đóng bảo hiểm xã hội số 7411207828. Đồng thời gian đó từ tháng 7/2009 đến tháng 5/2013 bà T làm việc tại Công ty S và từ tháng 12/2013 đến tháng 6/2023, bà T làm việc tại Công ty TNHH P, địa chỉ: khu H, phường U, thị xã (nay là thành phố ), tỉnh Bình Dương, đóng bảo hiểm số 7408102574. Do đó, bà Trang bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2013 tương đương với thời gian bà L mượn hồ sơ lao động của bà T. Bà T nhiều lần liên hệ phía Bảo hiểm xã hội thành phố Dĩ An nhờ hướng dẫn thì cán bộ yêu cầu khởi kiện ra Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng lao động giữa bà T với Công ty TNHH B theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTĐBXH - BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1.

Vào thời điểm 2011, bà Trịnh Mỹ L chưa đủ điều kiện để tham gia lao động và giao kết hợp đồng lao động. Bà T và bà L là chị em họ với nhau nên mới hỗ trợ bà L mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động, vì không hiểu biết pháp luật nên mới dẫn đến hậu quả pháp lý như ngày hôm nay. Bà T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giải quyết như sau: Tuyên hợp đồng lao động từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2013 giữa bà Trịnh Thị T với Công ty TNHH B vô hiệu.

*- Ông Dương Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày:*

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của Công ty TNHH B cho người lao động thì Công ty có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trịnh Thị T sinh năm 1989, số căn cước công dân 072189002857, với mã số bảo hiểm xã hội 7411207828 từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2013 tại Công ty TNHH B đã nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội.

Ngoài ra bà Trịnh Thị T còn có mã số 7408102574 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 7/2009 đến tháng 5/2013 tại Công ty S.

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Trịnh Thị T và Công ty TNHH B, đề nghị Tòa án căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Trịnh Thị T, Bảo hiểm xã hội không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của Bà Trịnh Thị T thì Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến.

- *Bà Trịnh Mỹ L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Do có nhu cầu đi làm nhưng chưa đủ tuổi để giao kết hợp đồng lao động nên bà L đã mượn giấy tờ cá nhân của bà Trịnh Thị T để đi làm và giao kết lao động với Công ty TNHH B. Bà L làm việc tại Công ty TNHH B từ tháng khoảng tháng 7/2011 đến tháng 02/2013 đóng bảo hiểm xã hội số 7411207828. Đồng thời gian đó từ tháng 5/2008 đến tháng 5/2013, bà Trịnh Thị T cũng đang làm việc tại Công ty S, đóng bảo hiểm xã hội số 7408102574. Nay, bà Trịnh Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2013 giữa bà Trịnh Thị T với Công ty TNHH B vô hiệu thì bà L hoàn toàn đồng ý, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Thị T. Bà L không đề nghị Tòa án giải quyết về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Đề nghị Tòa án giải quyết việc lao động theo quy định của pháp luật.

- *Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã triệu tập họp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH B trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng Công ty TNHH B vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của bà Trịnh Thị T.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp:*

Về tố tụng: Việc lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và còn trong thời hạn giải quyết. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ đã được làm rõ tại phiên họp đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Thị T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trịnh Thị T với Công ty TNHH B thời gian làm việc từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2013 bị vô hiệu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trịnh Thị T, bà Trịnh Mỹ L, người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH B vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: Bà Trịnh Thị T và bà Trịnh Mỹ L thừa nhận người ký hợp đồng lao động và thực tế làm việc tại Công ty TNHH B trong khoảng thời gian từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2013 là bà L chứ không phải bà T. Do khi đó bà L chưa không đủ điều kiện ứng tuyển lao động, bà T cho bà L mượn thông tin và giấy tờ tùy thân của bà T để tham gia lao động và ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH B. Trình bày của bà T và bà L phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội, cụ thể trong thời gian từ tháng 7/2009 đến tháng 5/2013 bà T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty S.

[2.2] Xét thấy, việc bà Trịnh Mỹ L sử dụng chứng minh nhân dân của bà Trịnh Thị T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH B là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Trịnh Thị T có bị trùng từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2013. Do đó, bà T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Trịnh Thị T với Công ty TNHH B thời gian làm việc từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2013 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận

[6] Về lệ phí: Bà Trịnh Thị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Trịnh Thị T về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trịnh Thị T với Công ty TNHH B, thời gian làm việc từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2013 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Trịnh Thị T phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001719 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc lao động, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ (02).

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

**Phạm Văn Tuyên**